

**THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN LẦN 2 ĐỢT 5 HỌC BỔ SUNG BUỔI TỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027**

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	TH5219	An ninh mạng	3	TH5219_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
2	MT8123	Công nghệ và chất liệu trong thiết kế Đồ họa	2	MT8123_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
3	NT86023	Công nghệ, vật liệu trong nội thất	1	NT86023_BS	19/10	15/11		Thứ 4(T13-16)
4	XD3202.2	Đồ án kết cấu BTCT 1	2	XD3202.2_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
5	XD3503	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	1	XD3503_BS	19/10 19/10	15/11 8/11	Ngô Quang Tuấn	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
6	XD3107.2	Đồ án Nền và móng	2	XD3107.2_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
7	XD3526	Đồ án tổ chức thi công	2	XD3526_BS	21/9 21/9	15/11 8/11	Nguyễn Văn Đức	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
8	XD3505.3	Đồ án tổ chức thi công (E)	2	Ghép_XD3526_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
9	MT8111	Đồ họa tranh khắc	3	MT8111_BS	21/9 21/9 21/9	15/11 8/11 15/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 6(T13-16)Thứ 4(T13-16)
10	KT0101	Hình học họa hình	2	KT0101_BS	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
11	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS1	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
12	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS2	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
13	QL5013	Kinh tế máy xây dựng	2	QL5013_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
14	MT8507	Lịch sử nghệ thuật	2	MT8507_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
15	MT80201	Nghệ thuật ảnh	2	MT80201_LH	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
16	MT8124	Nghệ thuật chữ	2	MT8124_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
17	MT8120	Thiết kế biểu tượng	2	MT8120_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
18	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS1	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
19	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
20	NN3803	Tiếng Pháp chuyên ngành	2	NN3803_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
21	NN3801	Tiếng Pháp P1	3	NN3801_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
22	NN3802	Tiếng Pháp P2	3	NN3802_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
23	NN3800.1	Tiếng Pháp tăng cường P1	3	NN3800.1_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
24	NN3800.2	Tiếng Pháp tăng cường P2	3	NN3800.2_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
25	NT86021	Xu hướng thiết kế nội thất đương đại	1	NT86021_BS	19/10	15/11		Thứ 4(T13-16)

Danh sách có 25 lớp học phần.